TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2024/HS-ST
Ngày 08-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hiền và ông Nguyễn Ngọc Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 128/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

PHẠM DUY T2, sinh năm 2000; ĐKHKTT: thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nơi ở: thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Trung T và bà Phùng Thị P; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam: từ ngày 18/12/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Vũ Hồng A, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Số G B, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; nơi ở: Số E, đường Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Lê Đình K, sinh năm 1990; nơi ở: Số D, tổ Dân phố H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Thùy T1, sinh năm 2002; nơi ở: thôn Q, xã H, huyện C, thành

phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền chi tiêu, Phạm Duy T2 nảy sinh ý định cướp giật tài sản là vàng ở cửa hàng vàng để mang bán lấy tiền. Ngày 16/12/2023, Tân tháo biển kiểm soát số 29T1-118.90 của chiếc xe máy nhãn hiệu Piagio Liberty, sơn màu xanh giấu vào trong cốp xe máy để tránh bị phát hiện rồi điều khiển xe đi từ nhà ở thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội. Khoảng 18 giờ 20 phút cùng ngày, T2 đến Cửa hàng V ở số E đường Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, T2 không tắt máy xe và dựng xe ở vỉa hè trước cửa hàng rồi đi vào trong quan sát thấy có chị Vũ Hồng A đứng bán hàng. T2 hỏi chị Hồng A mua một sợi dây chuyền vàng loại 10 chỉ, chị Hồng A đưa cho T2 sợi dây chuyền vàng ta 10 chỉ, ký hiệu "D10 999" ở phần móc khóa. T2 cầm dây chuyền vàng đeo lên cổ rồi ra soi gương, T2 thấy chị Hồng A đang đứng trong quầy, cách Tân một tủ kính khoảng 2-3m nên không thể giữ hay giằng lại được tài sản. T2 cầm sợi dây chuyền nhanh chóng bỏ chạy ra ngoài và điều khiển xe đã nổ máy sẵn bỏ chạy về nhà ở thôn Q, xã H, huyện C. Khoảng 18 giờ 54 phút cùng ngày, trên đường về T2 vào Cửa hàng V1 ở tổ Dân phố H, thị trấn C, huyện C bán sợi dây chuyền vừa cướp giật được. T2 gặp chủ cửa hàng là anh Lê Đình K, T2 nói với anh K sợi dây chuyền là tài sản của T2 rồi bán cho anh K lấy số tiền 59.000.000 đồng. Ngày 17/12/2023, T2 đến cửa hàng Đ ở số B Đ, quận B, thành phố Hà Nội mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 128GB màu hồng hết số tiền 16.135.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết số tiền 33.065.000 đồng, còn lại số tiền 9.800.000 đồng T2 cất giấu trong người.

Ngày 16/12/2023, chị Vũ Hồng A có đơn trình báo sự việc đến Công an phường Q, quận H. Ngày 18/12/2023, Phạm Duy T2 đến Công an phường Q đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T2 ở thôn Q, xã H, huyện C nhưng không phát hiện thu giữ đồ vật tài liệu gì liên quan đến vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ do anh Lê Đình K giao nộp: 01 dây chuyền vàng ta loại 99%, 10 chỉ, trên sợi dây có ký hiệu "D10 999", là tài sản Phạm Duy T2 chiếm đoạt của chị Vũ Hồng A;

- Thu giữ do Phạm Duy T2 giao nộp, gồm:

+ Số tiền 9.800.000 đồng;

+ 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, màu xanh, BKS 29T1-118.90, số khung 3100CV033188, số máy M731M4033897 và 01 đăng ký xe số 067557 của xe máy BKS 29T1-118.90 mang tên Nguyễn Thành N.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 128GB, màu hồng, số imei1: 35288821635039, số imei2: 35288821630503 (kèm theo phiếu mua hàng tại cửa hàng Đ địa chỉ: B Đ, quận B).

Ngày 18/12/2023, Cơ quan điều tra làm việc với Công ty cổ phần V2 - Chi nhánh H. Qua kiểm tra xác định sợi dây chuyền đã thu giữ nêu trên là 10 chỉ vàng, tuổi vàng 99%.

Kết luận định giá tài sản số 296/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H, kết luận: Giá trị tài sản 01 dây chuyền vàng 10 chỉ (37,5 gam) trị giá 59.800.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả chị Vũ Hồng A 01 dây chuyền vàng là tài sản bị chiếm đoạt; trả anh Lê Đình K số tiền 9.800.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, bị cáo Phạm Duy T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 128/CT-VKS-HĐ ngày 21/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Duy T2 về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên giữ nguyên bản cáo trạng. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện thể hiện ý thức coi thường pháp luật cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, đã khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: bị hại Vũ Hồng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lê Đình K đều đã được nhận lại đủ tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử

không xét. Về xử lý vật chứng: đề nghị trả chị Phạm Thị Thùy T1 chiếc xe máy thu giữ của T2; tịch thu sung ngân sách Nhà nước điện thoại Iphone 13 thu giữ của T2.

Bị hại Vũ Hồng A vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong giai đoạn điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Hồng A trình bày đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Anh Lê Đình K vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong giai đoạn điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K trình bày đã được Cơ quan điều tra trả lại số tiền 9.800.000 đồng, em gái bị cáo trả 49.200.000 đồng, tổng cộng đủ 59.000.000 đồng, anh K không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Phạm Thị Thùy T1 đề nghị được nhận lại chiếc xe máy và không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 49.200.000 đồng chị đã trả anh K thay cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền chi tiêu, khoảng 18 giờ 20 phút ngày 16/12/2023 Phạm Duy T2 điều khiển xe máy đến trước Cửa hàng V ở số E đường Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội, T2 không tắt máy xe và dựng xe ở vỉa hè rồi vào hỏi chị Vũ Hồng A mua một sợi dây chuyền vàng loại 10 chỉ, chị Hồng A đưa cho T2 01 dây chuyền vàng 10 chỉ trị giá 59.800.000 đồng. T2 cầm dây chuyền vàng rồi nhanh chóng chạy ra ngoài lên xe máy đã nổ máy sẵn điều khiển xe máy về thị trấn C, huyện C; gia đình chị Hồng A đuổi theo nhưng không kịp. T2 bán sợi dây chuyền vàng cho anh Lê Đình K lấy số tiền 59.000.000 đồng.

Sau khi được chi Hồng A đưa tài sản, bị cáo nhanh chóng tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản, thỏa mãn dấu hiệu của tội Cướp giật tài sản. Căn cứ giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo về tội Cướp giật

tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ liều lĩnh, coi thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội, cần xử lý nghiêm.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đầu thú, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị tạm giam không có điều kiện để khắc phục hậu quả nhưng khi biết em gái đã trả giúp số tiền đã nhận của anh K khi bán sợi dây chuyền vàng, bị cáo thể hiện mong muốn khắc phục hậu quả đó nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo cố ý phạm tội rất nghiêm trọng, cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người làm ăn chân chính.

[4] Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Vũ Hồng A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Lê Đình K là người mua sợi dây chuyền, khi biết là vật chứng của vụ án đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra để trả bị hại. Anh K đã được trả lại đủ 59.000.000 đồng, không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Chị Phạm Thị Thùy T1 là em gái của bị cáo T2 đã trả cho anh Lê Đình K số tiền 49.200.000 đồng thay cho bị cáo T2, chị T1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tạm giữ của Phạm Duy T2 một số vật chứng cần xử lý như sau:

- Đối với 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, màu xanh, BKS 29T1-118.90,

số khung 3100CV033188, số máy M731M4033897 và 01 đăng ký xe số 067557 của xe máy BKS 29T1-118.90 mang tên Nguyễn Thành N. Kết quả điều tra xác định là phương tiện T2 sử dụng để đi cướp giật tài sản và bán tài sản do phạm tội mà có. Xe được đăng ký sở hữu chủ là anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1990, ĐKHKTT: Số D L, Tổ F, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Anh N khai: tháng 02 năm 2012 anh mua mới chiếc xe trên và đăng ký chính chủ tên anh N, đến khoảng năm 2023 anh N bán xe cho chị Phạm Thị Thùy T1, sinh năm 2002, ĐKHKTT: thôn Q, xã H, huyện C, thành phố Hà Nội, khi mua bán có giấy tờ viết tay nhưng do thời gian đã lâu anh N không còn giữ lại giấy tờ. Chị Phạm Thị Thùy T1 (là em gái ruột của T2) khai mua chiếc xe trên của anh Nguyễn Thành N vào ngày 05/9/2023, khi mua có giấy tờ đăng ký xe, chị T1 chưa đăng ký sang tên; khoảng tháng 12 năm 2023, chị T1 cho T2 mượn xe để đi lại. Chị T1 xuất trình giấy đăng ký xe và có đơn xin lại chiếc xe. Xe không nằm trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, xác định là tài sản của chị T1, chị T1 không biết việc T2 sử dụng vào việc phạm tội nên trả cho chị T1.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 128GB, màu hồng, số imei1: 35288821635039, số imei2: 35288821630503, T2 khai sau khi bán sợi dây chuyền vàng cho anh K được 59.000.000 đồng, ngày 17/12/2023 bị cáo đến cửa hàng Đ ở số B Đ, quận B, thành phố Hà Nội mua 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 hết số tiền 16.135.000 đồng; Cơ quan điều tra đã thu thập được phiếu mua hàng chứng minh lời khai của bị cáo (BL99). Xác định là tài sản do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Lê Đình K là người đã mua sợi dây chuyền vàng của T2. Kết quả điều tra xác định khi mua anh K không biết đó là tài sản do T2 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh K.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Duy T2 phạm tội Cướp giật tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Duy T2 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Vũ Hồng A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Anh Lê Đình K đã được trả lại đủ 59.000.000 đồng, không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

- Chị Phạm Thị Thùy T1 đã trả cho anh Lê Đình K số tiền 49.200.000 đồng thay cho bị cáo T2, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 128GB, màu hồng, số imei1: 35288821635039, số imei2: 35288821630503.

- Trả chị Phạm Thị Thùy T1 01 xe máy nhãn hiệu Piaggio Liberty, màu xanh, BKS 29T1-118.90, số khung 3100CV033188, số máy M731M4033897 và 01 đăng ký xe số 067557 của xe máy BKS 29T1-118.90 mang tên Nguyễn Thành N.

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Duy T2 phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08/7/2024; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:
- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Ánh